NHÂN VƯƠNG KINH SỚ

QUYỂN HẠ 1

PHẨM HỘ QUỐC

Giải thích phẩm này, lược có hai nghĩa:

1. Giải thích tên phẩm.

2. Chánh thích văn.

Về phần giải thích tên phẩm, nếu theo Bổn ký thì quốc độ có hai loại: 1. Thế gian: Nhị thừa phàm phu; 2. Xuất thế: Mười tín đến mười địa. Giặc thì có hai loại: 1. Ngoài: cướp trộm, cầm thú,... 2. Trong: là phiền não. Hộ: có hai loại: 1. Ngoài: tức là trăm bộ quỷ thần; 2. Trong là trí tuệ. Hoặc trong hoặc ngoài đều là thần lực của chư Phật, Bồ-tát. Nay giải thích: Bát-nhã có thể bảo hộ quốc độ của người, trời cho nên gọi là hộ quốc.

Kinh: Bấy giờ... Bát-nhã Ba-la-mật.

Giải thích: Từ đây là phần hai: Giải thích theo văn.

Có thể hộ quả Phật và hành thập địa, đều là nội hộ. Hộ các xứ của trời, người là ngoại hộ. Ở trên đã giải thích xong hai loại nội hộ. Đây là phần hai: Nói về phẩm Hộ quốc.

Nếu theo Bổn ký thì chia làm bốn phần: 1. Hành pháp; 2. Chủ thể hộ; 3. Dẫn chứng; 4. Đắc ích.

Phần hành pháp có ba phần:

1. Bảo lắng nghe.

2. Khuyên thọ trì.

3. Thuyết hộ.

Đây đúng là hai phần trước. Như kinh đã rõ.

Nay giải thích không như vậy: Trong cả phẩm này, văn có ba phần: 1. Bảo nghe, khuyên thọ trì; 2. Từ "khi quốc độ..." rộng giải thích về phương pháp hộ; 3. Từ "bấy giờ, Phật Thích ca..." chúng đắc ích. Đây là phần một. Bảo hãy nghe, hứa sẽ nói. Khuyên thọ trì, như kinh đã rõ.

Kinh: Khi quốc... giặc đến phá nước nhà.

Giải thích: Từ đây là phần hai: Rộng giải thích về phương pháp hộ đất nước. Trong đó có ba phần: 1. Rộng giải thích hộ pháp; 2. Từ "Đại vương! Ngày xưa..." Dẫn chuyện xưa để làm chứng cho nay; 3. Từ "Đại vương! Mười sáu..." kết, nêu bày khuyên thọ trì.

Trong phần một lại chia làm ba phần:

1. Hộ quốc.
2. Từ "Đại vương! Không chỉ..." hộ phước.
3. Từ "Đại vương! Không những chỉ..." hộ nhiều nạn.

Ở trong phần hộ quốc, văn lại có bốn phần:

- Hộ thời.
- Hộ pháp.
- Từ "nước ông..." nói về có thể hộ thể.
- Từ "Đại vương!..." hộ nạn. Đây là phần một - Hộ thời.

Căn cứ theo thật thì hộ quốc là chung cả mọi thời mọi lúc, vì để hiển bày lúc cầm kíp mà nói là kiếp thiêu... để đối trị lại mà thuyết phương pháp hộ quốc. Nói "kiếp thiêu": do làm tổn hại quốc gia, gọi là kiếp thiêu. Chẳng phải là đại hỏa tai trong tam tai.

Kinh: Phải thỉnh trăm tượng Phật... trăm tượng La hán.

Giải thích: Từ đây là phần hai: Hộ pháp. Có ba phần: 1. Thỉnh phước điền; 2. Cúng dường; 3. Thuyết thời.

Trong phần phước điền, văn có ba phần:

1. Phước điền chư Thánh.
2. Giảng hội thính chúng.
3. Thỉnh sư giảng thuyết. Đây là phần một.

Nghĩa là thân thật tam tôn trên thì khó chiêu tập. Vì để chung cho các đời sau, phước điền đầy đủ, nên nói là đặt trăm tượng.

Kinh: Trăm chúng Tỳ khưu... Bảy chúng cùng nghe.

Giải thích: Phần ba: Thính chúng ở giảng hội. Có ba: 1. Trăm Tỳ khưu; 2. Trăm bốn đại chúng; 3. Trăm bảy chúng.

Nói: "Trăm Tỳ khưu": có thuyết nói: trước mỗi một tòa đều có trăm vị Tỳ khưu, như vậy thành là một vạn người, nếu số người không đủ thì giảng pháp bất thành. Nay nói: Trăm là trước mỗi một tòa là một vị Tỳ khưu kiểm hiệu đồ chúng, cho nên nói là trăm.

Nói "bốn đại chúng": là Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Cận sự nam, Cận sự nữ. Có thuyết nói: Giảm lược bớt Sa di, Sa di ni, Thức-xoa-ma-ni. Nay nói là gồm thâu trong chúng Tỳ khưu, Tỳ khưu ni.

Nói "bảy chúng": là nói bốn chúng trên và ba chúng như Sa di,... Bảy chúng là chúng vãng lai.

Hỏi: Trước mỗi một tòa đều có sáu loại, đều có số trăm. Đó là có ý gì?

Đáp: Là vì để trang nghiêm hội thuyết pháp.

Hỏi: Bốn chúng thì gồm cả Tỳ khưu, sao còn cần phải nói riêng trăm tỳ khưu nữa?

Đáp: Để hiển trong mỗi một hội, cần định một người lên tòa, cho nên nói là trăm.

Hỏi: Bốn đại chúng và bảy chúng khác nhau như thế nào?

Đáp: Có người nói vì phần riêng biệt cho nên nêu ra, nhưng chưa chắc là có sự riêng biệt. Hoặc có thể là bốn đại chúng đều là chúng đại thừa. Nói là "bảy chúng" là chúng Thanh văn.

Kinh: Thỉnh trăm pháp sư... giảng Bát-nhã Ba-la-mật.

Giải thích: Thỉnh sư giảng thuyết.

Kinh: Trăm sư tử... cúng dường Tam bảo.

Giải thích: Phần ba: Tỏ về pháp cúng dường. Chia làm ba phần: 1. Ba sự cúng dường Tam bảo: Là đèn, hương và hoa. Nói "Trăm đèn": là trước mỗi một tòa đèn đều có một đèn , một hương, một hoa. Nếu không vậy thì liền thành vạn hoa, việc đó khó thành.

Kinh: Ba y, mười vật cúng dường pháp sư.

Giải thích: Phần hai: Riêng cúng pháp chủ.

Nói "mười vật" là: Đây có hai giải thích. 1. Tướng truyện nói: Y áo tức là ba, bát là bốn, tọa cụ là năm, dao cạo là sáu, dao là bảy, bọc lọc nước là tám, bọc đựng bát là chín, ống kim là mười. 2. Ngài Tam Tạng Tịnh nói: "Ba y mười vật" là: do sự sai lầm của người dịch kinh, tách ra làm hai phần, tách số ba và số mười ra thành hai phần. Đó là nghĩa của "mười ba tư cụ (đồ dùng)". Nói "mười ba tư cụ": Là 1. Tăng già lê; 2. Ôn-đản-la-tăng-già; 3. An-đản-bà-sa; 4. Ni-sát-thiền-na; 5. Ni-đại-san-na; 6. Phó-nê-đại-san-na (quần phụ); 7. Tăng-kiếp-bì-ca; 8. Phó-tăng-cước-bì-ca; 9. Bột-lý-sa-kì-ca (áo mưa); 10. Ca-da-bảo-chiết-na (khăn-lau-thân); 11. Mục-khước-bảo chiết-na (khăn lau mặt); 12 Kê-xá-bát-lạc để-yết-lạt-kha (khi cạo tóc, che chùi tóc); 13. Kiệm đậu bát-để-xa-thiền-na.

Tuy có hai giải thích: Nhưng ở đây vì chưa rõ bản tiếng Phạm kinh Nhân vương là số mười, trăm hay là chữ thập.

Kinh: Tiểu Phạm, cơm trưa, cũng lại đúng thời.

Giải thích: Phần ba: Đồ ăn, thức uống cúng dường pháp chủ. Hoặc có thể cúng chung cả đại chúng.

Kinh: Đại vương! Một ngày hai thời giảng kinh. (Có bản nói:

Giảng tán kinh này).

Giải thích: Phần ba: Chia thời gian giảng kinh. Giảng thì phải nhờ tịnh lực, cho nên theo hai buổi ăn, giảng cũng phải hai thời.

Kinh: Trong quốc độ của ông... hộ quốc độ ông.

Giải thích: Phần ba: Nói về chủ thể hộ.

Nếu theo Bổn ký: "Trăm bộ thần" là: Xuất từ nghĩa của Kim nhãn tiên nhân. Tiên nhân này thống lãnh quỷ thần, căn bản có mười xứ, triển khai thành một trăm. Mười là:

1. Đại thần: Có thể hóa ra các thần.

2. Đồng tử thần: Là con trai của Ma-hê-thủ-la. Ban đêm lẻn vào phòng của tiên, phép tắc của tiên là không giết trẻ con. Tiên nhân mới ghi nhận là năm mười sáu tuổi, thành đại tiên thì chết. Lời nói đó đã chẳng không, điều đó không thể tránh được. Ma-hê-thủ-la bèn trụ giữ đứa con trai này mãi mãi mười bốn tuổi. Đứa bé dùng trẻ con làm bè nhóm mình, hại trẻ con ở thế gian. Nếu qua mười lăm tuổi thì đứa bé không còn bị hại nữa.

3. Mẫu thần: Tức là nhũ mẫu của đồng tử;

4. Phạm thần: Trên mặt có ba mắt, có Nhất-thiết-trí. Nếu mất đồ mà không lấy lại được thì chú tiểu nhi, chú trên mặt tiểu nhi sinh thêm một mắt. Đến lúc lấy được vật, trở lại mất mắt.

5. Thần đầu voi: Làm chướng ngại tất mọi mong nguyện, việc thiện ác không thành tựu.

6. Long thần: Nhiều tham sân.

7. Tu la thần: Có thể trói người, trời. Lại còn có hai đứa con kiện nhi.

8. Sa thần: Ăn thịt kẻ phước đức mỏng. Thân như đất cát.

9. Dạ xoa thần: Có đại thần thông.

10. La sát thần: Dịch là cực nạn.

Kinh: Đại vương! Quốc độ... có nhiều giặc nổi.

Giải thích: Phần bốn: Nói về các nạn được hộ. Văn có ba phần: 1. Nạn các quỷ; 2. Nạn ba tai; 3. Từ "tất cả các nạn..." đối nạn nói về hộ. Đây tức phần 1. Lược gồm tám nạn: 1. Quỷ loạn; 2. Vạn người loạn; 3. Giặc đến cướp nước; 4. Trăm họ chết chóc; 5. Vua tôi thị phi phải trái; 6. Trời đất hiện quái lạ; 7. Tinh tú thất độ; 8. Nhật nguyệt thất độ, có nhiều giặc nổi. Các nạn như vậy, không thể kể hết.

Nói: "Nhị thật bát tú": là như kinh Đại Tập phần Nguyệt Tạng, quyển mười, phẩm Tinh Tú Nhiếp Thọ nói: Một phương có bảy tú (sao) bốn phương hợp có hai mươi tám tú. Bảy tú ở Đông phương là: Giác,

cang, để, phòng, tâm, vỹ, kỳ. Nam phương bảy tú là: tỉnh, quỷ, liễu, tinh, trương, dực, chẩn. Tây phương bảy tú là; khuê, lâu, vị, ngang, tất, tử, tham. Bắc phương bảy tú la: đẩu, ngưu, nữ, hư, nguy, thất, bích. Lại nữa, phần Nguyệt Tạng, quyển mười, hơi khác với trên, e rườm không kể.

Kinh: Đại vương!... Tất cả các nạn.

Giải thích: Phần hai: Nạn về hỏa, thủy, phong...

Kinh: Cũng nên giảng kinh này. Dùng pháp đã nói như trên. (Hoặc có bản nói: Giảng đọc kinh này.)

Giải thích: Đây là phần hai: Nói về pháp hộ. Văn có ba phần: 1. Nêu; 2. Giải thích; 3. Theo pháp hộ như trên. Như văn đã rõ.

Hỏi: Nhà giàu sang còn sắp đặt giảng. Nhà nghèo hèn làm sao có thể làm thành được?

Theo các thắc mắc sau, đúng là có các trở ngại đó, nếu dựa theo thắc mắc ấy thì giảng đọc kinh này, lấy việc đó làm chính.

Kinh: Đại vương! Không những chỉ hộ phước, cũng còn hộ cho nhiều nạn.

Giải thích: Phần ba: Nói về hộ các nạn. Văn có ba phần: 1. Nêu; 2. Thích; 3. Chuẩn theo. Đây là phần nêu.

Kinh: Như tật bệnh khổ nạn... Tất cả vô lượng khổ nạn.

Giải thích: Phần hai: Giải thích các nạn. Nghĩa là: các tật bệnh... các gông cùm. Quả báo nạn. Hoặc bốn trọng nghiệp, năm nghịch nhân, tám nạn, sáu đạo nghiệp nạn, tất cả vô lượng quả khổ nạn.

Nói "bốn trọng" là bốn tội dâm, đạo, sát sinh, vọng ngữ.

Hỏi: Giảng đọc kinh này có thể hộ bốn trọng nghiệp không? Nếu có thể hộ thì đúng là chẳng mất giới. Nếu đã mất giới thì làm sao hộ được?

Giải: Các tông bất đồng: Nếu theo tiểu thừa, tự có hai thuyết. Như luận Câu-xá quyển mười lăm, nói về giải thích của ba sư:

1. Tông Tát-bà-đa, giới biệt giải thoát, do xả năm duyên. Nên tụng nói:

Xả biệt giải điều phục
Do vì xả mệnh chung
Và hai hình điều sinh.
Đêm tận hiện căn đoạn.
Khi phạm tội căn bổn
Không xả giới xuất gia.

Vì sao? Chẳng phạm một biên, tất cả luật nghi phải xả khắp.

Nhưng có hai tên gọi; là trì, giới phạm. Như người giàu có lúc nợ người khác, vẫn gọi là người giàu và người mắc nợ. Nếu với những điều đã phạm thì phát lộ sám hối trừ bỏ, gọi là đầy đủ Thi la, không gọi là phạm giới. Nếu trả nợ xong, chỉ gọi là người giàu.

2. Các sư Kinh Bộ nói: Sáu duyên xả và giới Tỳ khưu biệt giải thoát. Nghĩa là với năm điều trên, gia thêm phạm trọng.

3. Bộ pháp mật nói: Bảy duyên xả biệt giải thoát giới. Nghĩa là với sáu duyên trên thêm chánh pháp diệt.

Kinh Bộ chất vấn Tát-bà-đa: Nếu vậy thì với duyên gì mà Bạc- già-phạm (đức Phật nói): Người phạm bốn trọng, không gọi là Tỳ khưu, không gọi là Sa môn, chẳng phải là con của Thích ca. Phá thể của Tỳ khưu, hại tính của Sa môn. Hoại diệt, đọa lạc mà đặt ra những tên gọi khác?

Tông Tát-bà-đa đáp: Theo thắng nghĩa Tỳ khưu mật ý nói: Khi chánh pháp diệt, không đắc mới, chẳng xả giới cũ.

Nay theo đại thừa: các giáo bất đồng: Nếu theo luận Du già: phạm trọng thì mất giới, không nói đến hộ pháp. Quyển bốn mươi nói: Do hai duyên mà xả tịnh giới luật nghi của chư Bồ-tát: Một là: dứt bỏ đại nguyện vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Hai là: hiện hành thượng phẩm triền, phạm tha thắng xứ, pháp tạng. Các Bồ-tát, tuy lại chuyển thân khắp mười phương giới, ở mọi sinh xứ, nhưng không xả Bồ-tát tịnh giới luật nghi, do Bồ-tát đó không xả đại nguyện vô thượng Bồ-đề, cũng không hiện hành thượng phẩm triền, phạm tha thắng xứ pháp. Lại nữa, quyển năm mươi ba nói:

Hỏi: Có mấy nhân duyên, luật nghi Tỳ khưu, thọ rồi lại xả.

Đáp: Hoặc do xả những học xứ, hoặc do phạm tội căn bổn, hoặc do hình mất, hai hình sinh, hoặc do thiện căn bị đoạn dứt, hoặc do dứt bỏ chúng đồng phân thì luật nghi Tỳ khưu đã thọ rồi lại xả. Nếu chánh pháp hủy hoại, chánh pháp ẩn mất, tuy không có thọ mới luật nghi Tỳ khưu nhưng trước đã thọ đắc, phải biết là không xả.

Nếu theo kinh Phổ Hiền Quán nói: Nếu Thanh văn hủy phá tam quy ngũ giới, tám giới, Tỳ khưu giới, Tỳ khưu ni giới, Sa di giới. Sa di ni giới, Thức-xoa-ma-ni-giới, và các oai nghi, do ngu si bất thiện, tâm ác tà, mà thường phạm các giới và các oai nghi. Nếu muốn trừ diệt, khiến không có lỗi lầm, trở lại làm Tỳ khưu có đủ pháp Sa môn thì phải siêng năng tu tập, đọc kinh điển phương đẳng, suy tư đệ nhất nghĩa thâm diệu pháp không, khiến tuệ "không" tương ứng với tâm. Phải biết người đó, ở khoảnh khắc giữa mỗi niệm, tất cả tội cấu mãi mãi hết sạch không

còn dư sót. Đó gọi là có đủ giới pháp của chư Sa môn. Có đủ các oai nghi. Theo kinh phương đẳng và kinh này, cũng được sinh trở lại. Cho nên, kinh Đại phương đẳng Đà-la-ni, quyển một nói: Nếu hai mươi bốn giới Bồ-tát, mười giới Sa-di, giới Thức-xoa, Sa-di-ni, giới Tỳ khưu, giới Tỳ khưu ni, các giới như vậy, nếu phạm mỗi một các giới, phải nhất tâm sám hối, nếu không sinh trở lại, thì không bao giờ có việc đó, ngoại trừ không chí tâm, hoặc phạm năm tội nghịch, như thân bị ghẻ trắng, nếu không chữa lành bệnh, thì không có việc đó. Lại nữa, quyển bốn nói: Nếu có Tỳ khưu, hủy bốn trọng cấm, chí tâm nhớ niệm kinh Đà-la-ni này, tụng một ngàn bốn trăm biến, tụng một ngàn bốn trăm biến rồi sám hối, thỉnh một Tỳ khưu làm người tác chứng. Tự trình bày tội mình trước hình tượng cứ như vậy thứ tự, trải qua tám mươi bảy ngày, ân cần sám hối rồi, các giới căn đó nếu không sinh trở lại, thì không có việc đó. Người kia trong tám mươi bảy ngày đã ân cần sám hối rồi, nếu không kiên cố nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng thì cũng không có việc đó.

Nếu theo kinh Niết-bàn thì vừa xả vừa không xả. Nếu mất thọ lực thì gọi là xả, không mất thọ thể thì gọi là không xả. Giống như hạt giống bị cháy có thể mà không có lực. Cho nên kinh Niết-bàn quyển ba mươi mốt nói: Này Thiện nam! Ta thường nói trong kinh như vậy: nếu có Tỳ khưu, phạm bốn trọng rồi, không là Tỳ khưu, là phá Tỳ khưu, là mất Tỳ khưu, không còn sinh ra giống mầm thiện, thí như hột giống bị nướng, không còn sinh ra quả trái, như đọt cây Đa-la bị chặt thì không sinh quả trái. Tỳ khưu phạm trọng; cũng lại như vậy. Các đệ tử ta nghe nói vậy rồi, không hiểu ý ta, xướng; Như Lai nói chư Tỳ khưu đã phạm trọng cấm, mất giới Tỳ khưu. Này thiện nam! Ta thường nói trong kinh, vì Thuần-đà mà thuyết bốn loại Tỳ khưu.

1. Cuối cùng đạt đạo.
2. Lạc đạo.
3. Thọ đạo.
4. Làm nhơ nhớp đạo.

Người phạm bốn trọng đức là làm nhơ nhớp đạo. Các đệ tử Ta, nghe nói vậy rồi, xướng, Như Lai nói, Tỳ khưu phạm bốn trọng rồi, không mất giới cấm.

Các tông như vậy, phải làm thành bốn trường hợp:

1. Hoàn toàn là không xả: Như Tát-bà-đa.
2. Hoàn toàn là xả giới: Như Kinh Bộ, và Du già...
3. Vừa xả vừa không xả: như kinh Niết-bàn...
4. Chẳng xả chẳng không xả: Như kinh Phương Đẳng và kinh Phổ

Hiền quán.

Nếu sám hối thì không xả, không sám hối thì xả. Thành trường hợp thứ ba và trường hợp thứ tư. Nguyên do là sao? Luận rộng về bốn trường hợp thì có hai loại: Một là biệt thể, như luận Bà-sa: Thứ ba thứ tư là pháp riêng biệt mà thành trường hợp. Hai là: Gián thể: Thứ ba và thứ tư là một pháp già, biểu. Nếu môn biểu thuyên (khẳng định) thì thành trường hợp thứ ba. Nếu là môn già thuyên (phủ định) thì thành trường hợp thứ tư. Do vậy: Niết-bàn và Phương đẳng, pháp thì đồng nhưng trường hợp thì riêng biệt. Nay theo kinh Phương Đẳng và kinh này: bốn trọng năm nghịch, các nghĩa được thành.

Nói "năm nghịch", còn gọi là nghiệp vô gián: giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán. Và làm chảy máu thân Phật.

Hỏi: Nghiệp năm nghịch này, có được hộ không? Nếu hộ được thì chẳng phải định nghiệp. Nếu không hộ được, thì văn này trái nhau.

Giải: Chư Tông bất đồng; theo tông Tát-bà-đa thì quyết định chắc chắn thọ nghiệp, không có phương pháp hộ. Theo tông kinh bộ thì... Nay theo đại thừa, các giáo bất đồng; nếu chẳng gặp thắng duyên thì sinh địa ngục. Nếu dựa theo thắng duyên, tự có hai thuyết: 1. Dựa vào tạo tượng, kinh, tuy bị nhưng nhẹ, nên kinh kia nói: Do duyên tạo tượng, dù chịu quả nơi ba cõi ác, dù bị nhưng mau ra, mà không chịu khổ, như mũi tên bắn xuyên rừng, không trụ mà qua. Kinh Quán Vô Lượng nói; người có năm nghịch cũng sinh Tây phương. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Không chấp thuận sinh sang kia. Theo kinh Niết-bàn, quyển hai mươi, phẩm Phạm hạnh: Vua A-xà-thế phát tâm Bồ-đề, nên không vào địa ngục. Cho nên kinh đó nói: Bấy giờ, Thế Tôn khen vua A-xà-thế. Lành thay! Lành thay! Nếu có người phát tâm Bồ-đề, phải biết người ấy đã trang nghiêm đại chúng Phật. Đại vương! Ông xưa đã ở nơi Phật Tỳ-bà-thi, sơ phát tâm Bồ-đề cầu đạo giác ngộ, từ đó đến nay, đến Ta xuất thế, ở trong khoảng ấy, chưa từng đọa vào địa ngục chịu khổ. Đại vương! Nên biết, tâm Bồ-đề, có quả báo vô lượng như vậy. Đại vương! Từ nay về sau, thường thường siêng tu tâm Bồ-đề. Lại nữa, đoạn văn trước nói: Do vua A-xà-thế phát đại tâm, toàn bộ tội nặng đều được mỏng nhẹ. Lại nói: vua A-xà-thế nói với Kỳ bà: Ta nay chưa chết mà đã được thân trời, xả ở đoản mệnh mà đắc trường mệnh. Nói đầy đủ như ở kinh ấy.

Nói "Tám nạn" là: theo kinh đại Bát-nhã quyển năm trăm sáu mươi tám nói: Thiên vương nên biết, Bồ-tát cuối cùng cũng không sinh ra ở những chốn không tự tại. Vì chư Bồ-tát ấy không có nghiệp ác để bị đọa cõi địa ngục, không có phá giới để đọa bàng sinh, không có đố kị để

đọa cõi quỷ đói. Không sinh tà kiến, thường gặp bạn lành, không khuyết các căn, thành pháp khí Phật. Không sinh nơi biên địa, căn độn ngu si, không sinh cõi trời trường thọ không thể lợi người, không gặp Phật. Không sinh ra ở thế giới không có Phật, nơi Bồ-tát sinh, tất đủ cả Tam bảo. Kinh Thắng Thiên vương Bát-nhã (cựu bản) cũng nói như vậy. Lại nữa, kinh Tăng nhất A-hàm, phẩm Bát nạn nói: Tỳ khưu nên biết, có tám điều không nghe, tám điều gì: 1. Địa ngục; 2. Súc sinh; 3. Ngạ quỷ; 4. Trường thọ thiên; 5. Sinh ở vùng biên địa, phỉ báng Hiền, Thánh,tạo các nghiệp ác; 6. Tuy sinh ở nơi trung tâm của cả nước nhưng sáu tình (căn) lại không đủ, không phân biệt được tốt xấu lành dữ; 7. Tuy sinh ở trung tâm của cả nước, sáu tình đầy đủ, nhưng tâm thức lại bị tà kiến; 8. Tuy sinh ra ở trung tâm cả nước, có đủ sáu tình, nhưng Phật không xuất thế, cũng không thuyết pháp. Nói đầy đủ như trong kinh kia.

Hỏi: Trường thọ thiên là gì?

Đáp: Theo luận Trí Độ quyển ba mươi ba: Trường thọ thiên là cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thọ tám vạn đại kiếp. Hoặc có người nói: Tất cả định Vô sắc giới, gọi chung là Trường thọ thiên, vì vô hình không thể hóa độ, không kham nổi đắc đạo, vì thường là xứ phàm phu. Hoặc từ sơ thiền đến tứ thiền, trừ Tịnh cư thiên, đều gọi là Trường thọ thiên vì đắm trước vị vướng mắc tà kiến, không thể thọ nhận đạo. Cho đến... Hỏi về chấp trước vướng mắc? Do tâm thiện khó sinh. Lại nữa, đoạn văn sau của luận kia nói: Trong Vô Sắc giới, không có hình, nên không thuyết pháp được, không sinh ra tại trong ấy. Nơi Sắc giới tuy có sắc thân, có thể thuyết pháp, nhưng vướng mắc sâu vào thiền vị,không thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh, vì vậy không sinh ở trong đó.

"Tất cả vô lượng khổ nạn": là tổng kết về các nạn.

Kinh: Nếu giảng kinh này, dùng pháp như nói trên. (Có bản nói là: đọc kinh này)

Giải thích: Phần ba: Dựa theo giải thích trên.

Kinh: Đại vương! Xưa... muốn diệt nước đó.

Giải thích: Từ đây là phần hai: Dẫn chuyện xưa để ví cho nay. Văn có hai phần: 1. Dẫn chuyện Đế Thích. Chứng chư quốc trên; 2. Từ "Đại vương! Xưa có...". Dẫn chuyện vua Phổ Minh, làm chứng cho hộ thân trên. Trong phần một có ba phần: 1. Nói về nạn sự; 2. Nói về pháp hộ; 3. Thuyết xứ. Đây là phần một.

Theo kinh Hiền Ngu, phẩm Đảnh-Sanh vương: Bấy giờ, Thế Tôn thấy các Tỳ khưu tham trung sức đẹp, vướng mắc danh lợi, tích góp thêm nhiều tiền của không chán, mới kể chuyện thời quá khứ, có một

đại Quốc vương, tên là Cù-tát-ly-vi-tư (kinh Niết-bàn thì gọi là Thiện Trụ vương). Trên đảnh đầu vua mọc ra một bọc nhỏ, sạch sẽ tinh khiết, cũng không cảm thấy đau đớn, sau đó cái bọc lần lần chuyển lớn như một trái bầu, liền cắt ra xem, thấy một đồng tử, rất là đoan nghiêm, tóc xanh, thân màu vàng tử kim, bèn mời thầy xem tướng. Xem đoán là người có đức, sau này sẽ là một Thánh vương, thống lãnh bốn cõi, nhân đấy đặt tên là Đà-kiệt, tiếng Hoa gọi là Đảnh Sanh. Đến lúc trưởng thành, người rất đức độ anh minh. Khi vua cha băng hà, các phụ dung vương đều cùng bạch với Đảnh Sanh: Đại vương đã băng hà, mong Ngài nối ngôi vị. Đảnh Sanh đáp: Nếu phước ta ứng với làm vua thì Tứ Thiên vương và Đế Thích tôn kính đến nghinh trao mới đăng ngôi. Vừa lập lời thề xong, Tứ Thiên Vương liền xuống, mỗi vị đều cầm bình báu chứa đầy nước thơm rưới đảnh đầu, rồi trời Đế Thích lại cầm mũ báu đội lên đầu Đảnh Sanh. Ở Diêm Phù Đề, thỏa thích năm dục, trải qua tám vạn bốn ngàn tuổi, Dạ xoa hiện ra, thỉnh dạo chơi Đông-Phất-bà-đề, trải qua tám ức tuổi, lại thỉnh đến Tây Cù-da-ni, trải qua mười bốn ức năm tuổi. Đến Bắc Uất-đơn-việt, mười tám ức năm. Đến xứ Tứ Thiên Vương, trải qua mười bốn ức năm. Ý lại muốn lên cõi trời Đao Lợi, năm trăm tiên nhân giúp, xe ngự một voi, cùng lên trên trời, khi sắp đến, xa xa đã thấy thành cõi trời, tên gọi là Khoái Kiến thành, có một ngàn hai trăm cửa, chư thiên sơ hãi, đều đóng kín các cửa, khóa ba lớp khóa sắt. Binh chúng của Đảnh Sanh, tiến thẳng không trở ngại gì cả, vương vừa thổi tù và, giương cung bắn, một ngàn hai trăm cửa cùng một lúc mở ra. Đế Thích đi ra, cùng gặp mặt, nhân vậy mới cùng chia tòa cùng ngồi, vương ở trên trời, thọ năm dục lạc, hết ba mươi sáu đời vua Đế Thích. Đế Thích cuối cùng là Ca-diếp Bồ-tát. Khi ấy, A-tu-la vương, đem quân lên trời, đấu với Đế Thích, Đế Thích thua, rút quân vào thành, Đảnh Sanh lại ra, thổi ốc và, bắn cung, Tu la bèn bỏ đi. Đảnh Sanh tự nghĩ; lực ta như vậy, không có ai bằng, sao nay lại phải cùng chia ngôi với Đế Thích, chi bằng hại Đế Thích, một mình độc bá thì vui thích biết mấy. Tâm ác đã phát, vì vậy mà liền bị đoạ lạc. Vua Đảnh Sanh, thống lãnh bốn vực, trải qua bốn mươi ức năm nhưng chưa đủ chán, do bởi tham mà chết. Vì thế, này các Tỳ khưu! Lợi dưỡng thật là đại hoạn. Rộng nói như kinh kia.

Theo kinh Niết-bàn quyển mười hai nói: Bấy giờ, Đế Thích thọ trì đọc tụng kinh điển đại thừa. Vì người khác mà diễn thuyết. Nhờ lực nhân duyên mà có oai đức lớn. Bởi Đảnh Sanh sanh ra tâm ác với Đế Thích ấy, liền bị đọa, trở lại Diêm-phù-đề. Do tâm thương nhớ người

trời ly biệt, sinh ra đại khổ não, lại gặp bệnh nặng, liền mệnh chung. Đế Thích bấy giờ chính là Phật Ca-diếp, Chuyển luân vương chính làthân ta. Rộng nói như kia, có hơi khác với kinh Hiền Ngu, nhưng e nhiều nên không kể.

Kinh: Lúc ấy, Đế Thích thiên vương... Đảnh Sanh liền thối.

Giải thích: Phần hai: Nương theo kinh nói về hộ pháp. Như văn đã rõ.

Kinh: Như đã thuyết trong kinh Diệt Tội.

Giải thích: Phần ba: Nêu bày nơi thuyết. (Kinh này tức là kinh Niết-bàn. Hoặc có thể là chưa dịch).

Kinh: Đại vương! Xưa có... Thái tử Ban túc.

Giải thích: Phần hai: Dẫn chuyện vua Phổ Minh, làm chứng cho phần hộ thân ở trên. Văn có hai phần: 1. Nói về nạn sư; 2. Từ "Vị Phổ Minh đó..." biện minh khả năng hộ được nạn. Đây là phần một.

Trong đó có ba phần: 1. Nói về nhân duyên của Ban Túc; 2. Thọ nhận sự dạy bảo của tà sư; 3. Phần chính tạo ra nạn sự. Đây là phần một.

Nói "Ban Túc": Chú thích có ba nghĩa:

1. Như kinh Hiền Ngu nói: Tiếng Hồ gọi là Ca-ma-sa-ba-đà-vương. Tiếng Hán gọi là Bác Túc, còn gọi là Ban Túc. Vua Ba-la-đạt đem bốn loại binh vào núi săn bắn, gặp sư tử cái, tâm dâm quá mạnh, ép vua hành dục, vua sợ nghe theo, sư tử có thai, ngày tháng đầy đủ, sinh một bé trai, thân hình giống người, chỉ chân ban đốm giống sư tử, sư tử mẹ gậm đến trao vua, vua nhận làm con, đặt tên là Ban Túc.

2. Ban Túc phi hành ăn thịt người. Nhân duyên cũng như kinh Hiền Ngu. Nhưng có thêm chuyện; vua Ban Túc hàng ngày thường cúng cho một tiên nhân những món tịnh thực, không có thịt cá. Một ngày nọ, tiên nhân không đến. Có một thiên thần hóa làm hình tiên, giả nhập cung vua, đòi ăn cá thịt. Vị cũ ngày hôm sau, đúng giờ lại đến, vua dâng thịt cá, tiên nhân nổi giận trách, sao lại thử mình, bèn nói với vua; vua sẽ thường ăn thịt người trong mười hai năm. Tiên nhân nói xong, bay về núi. Sau đó, nhà bếp quên không lo chuẩn bị trước. Ra ngoài tìm mua thịt, lại không có thịt, nửa đường thấy xác chết một đứa bé, trắng mập ở bên đường, nghĩ là chỉ cần gấp, liền bỏ đầu chân, làm món ăn cho vua, ăn xong thấy ngon, liền hỏi nguyên do, nhà bếp thật đáp, vua nói từ nay thường dùng thịt này. Nhà bếp sợ vua, chuyên bắt trẻ nhỏ, giết làm món ăn, hàng ngày cho vua. Người trong nước mất con, đi tìm khắp nơi, bèn gặp nhà bếp bắt trói con họ. Dân tố cáo với vua. Vua nói:

Chính ta giết. Dân chúng nghe vậy, đều bảo; chính vua là kẻ đại thù của ta, đợi vua đi tắm ở hồ, phục binh bắt vua. Vua đã bị trói, bèn nói với dân; xin tha Ta lần này lần sau không còn giết nữa. Dân cả nước không chịu. Vua bèn khởi nguyện: Nguyện các thiện mà Ta tu từ xưa đến nay, xoay chuyển ngày hôm nay biến thành La sát, phi hành ăn thịt người. Nói xong liền bay lên trên không, xướng: Từ nay về sau sẽ thường ăn thịt vợ con yêu của các ngươi. Mọi người nghe đều chạy trốn. Có nhiều La sát theo làm vây cánh tùy tùng. Đồ chúng lần hồi rất nhiều, người bị hại cũng rất nhiều. Sau đó, các La sát bạch với Ban Túc; chúng ta vì vua, vua nay phải vì bọn ta bắt một ngàn vị vua, để đãi một bữa tiệc lớn. Ban Túc nói: Tốt, liền lần lượt bắt được chín trăm chín mươi chín vị vua, còn thiếu một vị, không thể làm việc. Các vua bị bắt bảo nhau: Đám ta ngày nay, chẳng còn cách gì thoát thân. Nếu bắt được vua Tu đà tố, vị vua này có đại phương tiện, có thể cứu được chúng ta. Nghĩ kế vậy rồi, bèn bạch với vua Ban Túc: Vua muốn làm tiệc, Tu đà tố vương là người có danh đức cao. Nếu bắt được ông ta đến, thì tiệc hội của vua mới được viên mãn. Thời vua La sát, liền bay đi bắt Tu đà tố vương. Gặp lúc Tu đà tố vương ra ngoài thành, đi đến vườn, định vào hồ để tắm, nửa đường gặp người hành khất theo vua để xin. Vua nói: Đợi ta tắm xong, rồi về sẽ thí cho đạo sĩ. Vương mới vào hồ tắm, vua La sát từ trên không bay xuống bắt Tu đà tố vương về nhốt trong núi. Tu-đà-tố vương do buồn thương khóc. Vua Ban túc nói: Nghe ngươi danh đức bậc nhất, bậc trượng phu sao lại buồn khóc như trẻ con ở đời. Tu đà tố vương nói: Ta không thương thân, tham tiếc thọ mạng. Sáng ra gặp kẻ xin hứa cho, vào lúc nhà vua đến bắt , e trái với sự thành tín, vì vậy mà khóc. Mong vua trả ta bảy ngày, bố thí cho đạo sĩ. Ban Túc chấp thuận. Vua trở lại nước Bố thí xong. Sau đó, các Bà-la-môn thấy vua muốn trở lại chịu chết, e vì nhớ nước nhà, mới vì vua mà thuyết kệ, kệ giống với kinh này. Tám hàng tương tự, duy chỉ có một câu "thiên long nhân quỷ điêu tán ở trong" là khác kinh này. Tu đà nghe kệ, suy tư nghĩa lý mà hoan hỷ, bèn lập Thái tử thay làm vua, từ biệt đến chịu chết. Ban Túc biết đã đến ngày hẹn, trông ngóng đợi chờ, thấy Tu đà đến, hình có sắc vui, Ban Túc lấy làm lạ hỏi: Ông nay sắp chết, sao lại hoan hỷ? Tu đà đáp: Đại vương ân rộng, cho Ta bảy ngày, bố thí đạo sĩ, lại nghe pháp diệu, tâm tự khai mở. Nguyện ta đã thỏa, tuy đến chỗ chết, tâm vui không buồn. Ban Túc hỏi: Ông nghe pháp gì? Thử nói Ta nghe. Tu đà bèn vì Ban Túc mà tuyên thuyết tám kệ pháp diệu đã được nghe. Còn vì Ban Túc mà thuyết thêm về tội báo sát sanh. Ba Túc nghe xong, bèn thả Tu

đà và các vị vua trở về nước mình. Tu đà tố vương, bèn bảo binh chúng, trở lại ngôi vua trước. Tu đà tố vương chính là Phật Thích ca. Ban Túc vương chính là ương quật ma.

3. Các kinh nói về Ban Túc thì khác nhau, như trong Trí Luận nói: Ban Túc vương gọi là Lộc Túc vương, lốm đốm như chân nai nên gọi là Lộc Túc. Còn gọi là Lưỡng Sí vương. Chỉ nói là Lộc Túc muốn ăn thịt trăm vua. Như kinh Phổ Minh vương nói: Ban Túc vương gọi là Hà Quần vương, vào núi gặp thần Đại Thọ, hứa cống trăm vua. Phổ Minh vương vì Hà Quần vương mà tuyên thuyết bốn bài kệ, Hà Quần vương nghe kệ, thả Phổ Minh và chín trăm chín mươi chín vua. Kinh Nhân Vương này và kinh Hiền Ngu tuyên thuyết là một ngàn vua, các kinh khác vốn là một nhưng với đối với người kiến văn khác nhau mà dẫn đến sự sai biệt.

Kinh: Ban Túc chấp nhận cho một ngày.

Giải thích: Phần hai: Cho thả một ngày. Nếu theo kinh Hiền Ngu thì cho bảy ngày.

Kinh: Bấy giờ, Phổ Minh vương... kệ xong.

Giải thích: Từ đây là phần ba: Dựa theo thời để nói về chủ thể hộ. Văn có hai phần: 1. Theo chủ thể hộ mà bảy Phật đã thuyết; 2. Từ "Đệ nhất pháp sư..." Theo thuận biệt lý, để nói về nhân của chủ thể hộ. Đây là phần một.

Hỏi: Làm sao trong một ngày mà có thể thuyết tám ngàn ức kệ.

Đáp: Nhờ đức Như Lai ngầm gia hộ, cho nên có thể thuyết được. Số kệ nhiều ít, sẽ giải thích sau.

Kinh: Đệ nhất pháp sư vì vương mà thuyết kệ.

Giải thích: Phần hai: Theo thuận biệt lý để nói về chủ thể hộ. Văn có hai phần: 1. Chánh thuyết về pháp hộ; 2. Từ "bấy giờ..." nghe pháp được ích. Trong phần một có hai phần: 1. Phần văn xuôi phát khởi; 2. Nêu tụng chánh thích. Đây tức là ở trong trăm tòa. Đệ nhất pháp sư thuyết tám tụng. Theo kinh Hiền Ngu thì đạo sĩ thuyết. Do người dịch khác nhau.

Kinh: Kiếp thiêu chung xong... Nước có gì thường?

Giải thích: Phần hai: Chánh giải thích hộ pháp. Có tám hàng kệ, thuyết về bốn đạo lý, tức chia bốn phần:

1. Hai kệ thuyết về lý vô thường.
2. Hai kệ thuyết về lý của đạo khổ.
3. Hai kệ thuyết về lý của đạo không.
4. Hai kệ thuyết về lý của vô ngã.

Đây là phần một. Trong đó có ba phần: 1. Có một kệ, biện minh khí thế gian kiếp hoại vô thường; 2. Có nửa kệ, nói về một thời kỳ vô thường ở bên trong nội thân; 3. Có nửa kệ, nêu hơn so kém.

Nói "kiếp thiêu chung xong": là kiếp thiêu chung thì bắt đầu khởi kiếp thủy. Từ phong luân cho đến sơ thiền. Cho nên nói là chung xong.

"Càn khôn động nhiên": càn là thiên. Càn là kiện. Thiên hành không dứt, nên nói là càn, khôn là địa. Khôn là thuận. Địa thuận bốn mùa, sinh trưởng vạn vạn, gọi là khôn. Thiên địa bị thiêu cả, cho nên bảo là động nhiên.

"Tu di cự hải": núi và nước tương đối với nhau, đều thành tro tàn.

Phần hai có nửa kệ: Thiên long điêu biểu, đều do bởi nghiệp nếu theo kinh Hiền Ngu thì "Thiên long nhân quỷ, ở trong điêu táng".

Nói "hai nghi còn mất, nước có cậy gì.": Nêu hơn để so với kém. Như trên đã thuyết, khí và thế gian. Hai nghi thiên địa phải có ngày mất, huống chi là quốc lại không bị diệt sao?

Kinh: Sinh lão bệnh tử... Nước nhờ vào đâu.

Giải thích: Phần hai: Hai kệ. Giải Thích tướng của khổ. Văn có hai phần: 1. Một kệ rưỡi, chính nói các khổ; 2. Có nửa kệ, nêu hơn để so với kém.

Trong phần một có hai phần: 1. Có hai câu, nói về bốn khổ tương tục với nhau không dứt; 2. Có hai câu, hiển chung về ba khổ: Là oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương xa nhau khổ, mong mà không được khổ, đều là trái với những điều mong nguyện, hoặc vì u buồn làm hại; 3. Có hai câu, nói về năm uẩn xí thịnh khổ, chư dục là tập đế. Họa trùng là khổ. Khổ tập như vậy, giống như ghẻ lở. Khổ tập như vậy, không lìa tự thân, không ngoài tam giới, cho nên nói là "không ngoài". Ba giới đều khổ, nước có gì vui. Nêu hơn để so với kém. Nghĩa là ba cõi hơn kém, đều là khổ, huống nữa là quốc độ, nhờ đâu mà chẳng khổ.

Kinh: Gốc hữu là vô... Quốc độ cũng như.

Giải thích: Phần ba: Hai kệ nói về "không". Văn có hai phần. Phần một: Có một kệ, nói về pháp "không". Câu đầu nói về tính sở chấp. Ba câu sau nói về y tha "không". Nghĩa là trên y tha, không có tính sở chấp.

"Chúng sanh xuẩn xuẩn, đều như huyễn cư": Phần hai: Nói về sinh không. Nói "thanh, hương đều không, quốc độ cũng như": Là lấy hơn để so với kém. Nghĩa là: thanh và âm hưởng đều ở chỗ nói, chẳng thật có tính, giống như thanh hưởng, chẳng thật cho nên là không. Quốc độ

cũng vậy. Nhân duyên các pháp mà thành pháp, cũng thuyết là không.

Kinh: Thức thần vô tình... Há lại có nước?

Giải thích: Phần bốn Hai kệ. Hiển bày lý vô ngã. Trong đó, hai câu đầu nói về tâm thức vọng chấp bốn đại, cho nó là ngã sở. Một câu tiếp theo là nói về sắc thân vô ngã. Tiếp một câu nữa là nói về sắc thân chẳng phải là chỗ trụ của ngã. Hai câu sau là nêu vô ngã trước, so cùng quốc vô ngã.

Lại giải thích: Một kệ rưỡi đầu là thân vô ngã. Hai câu sau nhắc lại vô ngã để nói quốc cũng không có. Bài kệ đầu trong phần trước, tỏ tâm là khổ để hiển bày vô ngã, trong đó nữa phần trên là nói về tâm thần vô hình. Đó là nói về tâm thần không có hình, giả ngã như bốn rắn, y chỉ bất an, nên là khổ, bốn đại là chỗ dựa, cùng tượng phản nhau. Từ thí dụ gọi là rắn. Phần dưới nói về kẻ si ôm cho là xe vui. Từ nữa kệ sau là nói về hình là vô thường. Thần không có nhà thường, để hiển bàyvô ngã. "Hình vô thường chủ": là nói về hình vô thường. "Thần vô thường gia": là nói về thần vô thường. Sau nhắc lại huống nữa là quốc hình, thần sẽlìa, là nhắc lại đoạn trước. Nữa hệ sau, há có nước sao? So sánh nước cũng không có.

Kinh: Bấy giờ, pháp sư... đắc pháp nhãn "không".

Giải thích: Từ đây là phần hai: Nghe pháp được ích. Trong đó có ba phần: 1. Nghe pháp được ích; 2. Từ "trong chúng ..." chuyển dạy chư vương; 3. Từ "thời Ban Túc..." chư vương ngộ đạo. Trong phần một có hai phần: 1. Quyến thuộc đắc ích; 2. Vương tự đắc ích. Đây là phần một. Nghĩa là: quyến thuộc của vương đắc pháp nhãn không, đó tức là trí nhân không.

Kinh: Vương tự chứng đắc... Chỗ Ban Túc vương.

Giải thích: Phần hai: Vương tự đắc ích. Nghĩa là: Vương tự chứng các định về hư không. Nghe pháp tỏ ngộ, hiểu, đó tức là quán. Do định lực đó mà đến chỗ của Ban Túc.

Kinh: Trong chúng liền bảo... các kệ cú trong kinh.

Giải thích: Phần hai: Chuyển dạy lại các vua. Văn có bảy phần:

1. Dạy lại các vua.
2. Vua Ban Túc hỏi.
3. Phổ Minh phụng đáp.
4. Các vương đắc ích.
5. Thả các vua, đúng ngày hẹn mà đến nên tụng câu kệ trong kinh của bảy Phật thời quá khứ.

Kinh: Bấy giờ Ban Túc... đều tụng pháp gì?

Giải thích: Phần hai: Vương hỏi về việc đọc tụng.

Kinh: Bấy giờ Phổ Minh... trả lời vương.

Giải thích: Phần ba: Phổ Minh phụng đáp. Đã rõ.

Kinh: Vương nghe pháp đó... ba môn định tam không.

Giải thích: Phần bốn: Chư vương đắc ích. Nghĩa là: Ban Túc vương đắc Tam muội "không". Các vua khác đều chứng ba định là Không, Vô nguyện, Vô tướng.

Kinh: Bấy giờ Ban Túc vương... Danh vị cú.

Giải thích: Phần năm: Lệnh thả các vua. Trong đó có ba phần: 1. Sinh đại hoan hỷ, chỉ bày lỗi lầm, tự quy; 2. Thả về bản quốc; 3. Khuyên chúng trì kinh.

Kinh: Bấy giờ Ban Túc... Chứng vô sinh nhẫn.

Giải thích: Phần sáu: Đem nước trao em, chứng vô sinh nhẫn.

Kinh: Như thập vương địa... Hiện thế sinh báo.

Giải thích: Phần bảy: Dẫn thuyết chứng thành. Nghĩa là: Thập vương địa nói; năm ngàn Quốc vương, nên tụng kinh này, ở trong hiện báo, đắc hiện pháp lạc, và trong sinh báo đắc sinh vào cõi trời, người, lìa các nạn.

Kinh: Mười sáu đại Quốc vương... ông nên thọ trì.

Giải thích: Từ đây là phần ba: Kết khuyên thọ trì. Văn có ba phần: 1. Khuyên vua Nguyệt Quang; 2. Khuyên nơi sáu dục; 3. Khuyên tiểu vương. Đây là phần một. Văn có hai tiết: 1. Tóm kết chỉ bày pháp để hộ quốc; 2. Khuyên Nguyệt Quang vương, ông nên thọ trì.

Kinh: Trên trời trong cõi người... Danh vị cú.

Giải thích: Phần hai: Khuyên chúng trong sáu đạo (cõi), đều nên thọ trì.

Kinh: Đời vị lai... La mật.

Giải thích: Phần ba: Khuyên các tiểu vương, như pháp thọ trì.

Kinh: Bấy giờ, Phật Thích ca... Đắc nhập sơ địa.

Giải thích: Từ đây là đoạn lớn thứ ba. Chúng bấy giờ được lợi ích.

Nếu theo Bổn ký, văn có hai phần: 1. Được lợi ích; 2. Từ "Ta nay..." tổng kết về được ích.

Trong phần một có sáu lợi ích: 1. "Bấy giờ trung vương đắc nhập sơ địa" là năm trăm ức người đắc nhập sơ địa. Sơ địa tức là mười tín; 2. "Lại có Lục dục thiên đắc địa tính không"; chư thiên lục dục, tám vạn ức người, đắc địa tính không, tức là thập giải; 3. "Lại có mười tám vương đắc pháp lạc nhẫn": mười tám Phạm vương đắc pháp vô sinh nhẫn, tức

là mười hạnh. Đắc vô sinh nhẫn pháp lạc, tức là mười hồi hướng; 4. Lại có đạt cho đến mười địa": Nghĩa là học vị Bồ-tát có người chứng từ sơ địa cho đến thập địa; 5. "Lại có tám bộ vương lên trời chánh thọ" là Tu la được lợi ích. Tu la được lợi ích có hai loại; một là đắc mười Tam muội, và hai Tam muội. Mười Tam muội là mười Nhất thiết xứ. Hai Tam muội là nhị đế Tam muội. Hoặc có thể là nhập Thánh đạo, ắt có đủ Tam muội. Mười Tam muội là Vô tưởng Tam muội, vì diệt chướng của mười địa, cho nên gọi là mười Tam muội. Hai Tam muội là Không Tam muội và Vô nguyện Tam muội. Hai là: chuyển quỷ thần lên trời chánh thọ; chánh thọ là đắc Thánh đạo vô lậu; 6. "Người ở hội này đến vô lượng không tín": đó là tỏ phàm phu đắc tín Phật tính. Gọi là tín tự tính. "Vô lượng tín không" là tin pháp "không".

Kinh: "Ta nay lược thuyết, ...": là tổng kế đã rõ.